TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỊNH QUÁN** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25/10/2019
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đại.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Vinh.

2. Ông Điểu Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai: ông Vũ Văn Hội – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 340/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Trần Thị Ngọc Y, sinh năm 1987.

Hộ khẩu thường trú: tổ 4, ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Đ.

Địa chỉ liên lạc: ấp 4, xã P, huyện Đ, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: ông Võ Ngọc S, sinh năm 1981.

Địa chỉ: tổ 4, ấp Hòa Thuận, xã N, huyện Đ, tỉnh Đ

(bà Y, ông S có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Y trình bày:*

-Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông S sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Đ và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn năm 2007. Sau khi kết hôn hai vợ chồng bà sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, làm ăn thua lỗ nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ông S suốt ngày ăn nhậu, không chăm lo gia đình. Hai vợ chồng ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay, sau khi ly thân hai người không còn quan tâm nhau nữa. Nay bà nhận thấy

cuộc sống vợ chồng không thể hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông S.

-Về con chung: bà và ông S có 02 con chung là Võ Trần Văn N, sinh ngày 17/7/2007 và Võ Trần Phương U, sinh ngày 19/4/2013. Khi ly hôn bà xin trực tiếp nuôi dưỡng hai con, bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai bị đơn ông S trình bày:*

-Về hôn nhân: ông không đồng ý ly hôn với bà Y vì giữa ông và bà Y không có mâu thuẫn gì cả.

-Về con chung: ông và bà Y có 02 con chung là Võ Trần Văn N, sinh ngày 17/7/2007 và Võ Trần Phương U, sinh ngày 19/4/2013. Hiện nay hai con đang sống chung với bà Y. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn ông xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, ông đồng ý giao cháu U cho bà Y nuôi dưỡng. Ông không cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

**Ý kiến của Kiểm sát viên:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết tranh chấp: mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Y và ông S đã trầm trọng, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Y.

Về con chung: giao 02 con chung là Võ Trần Văn N, sinh ngày 17/7/2007 và Võ Trần Phương U, sinh ngày 19/4/2013 cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con bà Y không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thẩm quyền: ông Võ Ngọc S cư trú tại: tổ 4, ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Đ, nên đơn khởi kiện của bà Y thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

[2]Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn bà Y và bị đơn ông S có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Y và ông S theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]Về quan hệ hôn nhân: bà Y và ông S có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Đ vào năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, căn cứ Luật Hôn nhân và Gia đình 2000 hôn nhân giữa bà Y và ông S là hôn nhân hợp

pháp. Trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nay bà Y có đơn khởi kiện xin ly hôn với ông S nên Tòa án áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 và Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Y và ông S xảy ra từ đầu năm 2018 đến nay. Nguyên nhân do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, ông S không chăm lo gia đình và con cái dẫn đến hai vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hai vợ chồng ly thân với nhau từ đầu năm 2018 cho đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông S có bản khai trình báy ý kiến ông không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, từ lúc hai vợ chồng có mâu thuẫn, ly thân với nhau cho đến nay ông cũng không có biện pháp gì để hai vợ chồng ông khắc phục mâu thuẫn để đoàn tụ với nhau.

Qua xác minh tại địa phương thì đại diện địa phương cho biết bà Y và ông S kết hôn với nhau năm 2007, hạnh phúc đến năm 2018 thì xẩy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai vợ chồng làm ăn thất bại dẫn đến thường xuyên cãi nhau, ông S không chăm lo cho gia đình, thường xuyên tổ chức ăn nhậu. Vì vậy bà Y bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và hai vợ chồng ly thân từ đầu năm 2018 đến nay.

Từ những nhận định trên, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Y và ông S là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Y, bà Y được ly hôn với ông S.

[4]Về con chung: bà Y và ông S có 02 con chung là Võ Trần Văn N, sinh ngày 17/7/2007 và Võ Trần Phương U, sinh ngày 19/4/2013. Khi ly hôn, bà Y yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Ông S xin được nuôi dưỡng cháu N, ông đồng ý giao cháu U cho bà Y nuôi dưỡng.

Xét thấy, hiện tại cả hai con chung là cháu N và cháu U đang sống chung với bà Y, qua tham khảo ý kiến của cháu Nam thì cháu N có nguyện vọng muốn được sống chung với với bà Y.

Căn cứ kết quả xác minh tại địa phương thì nghề nghiệp của ông S là làm thuê, thu nhập không ổn định, ông S thường xuyên ăn nhậu, không chăm lo gia đình. Bà Y có đi làm và thu nhập ổn định đủ điều kiện nuôi dưỡng hai con.

Từ những cơ sở trên Hội đồng xét xử xác định bà Y là người đủ điều kiện nuôi dưỡng hai con chung nên chấp nhận giao cả hai con chung cho bà Y nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con bà Y không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5]Về tài sản chung và nợ chung: bà Y và ông S không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6]Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: bà Y phải nộp 300.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 89, Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Luật Hôn nhân và Gia đình 2000.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Thị Ngọc Y.

-Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị Ngọc Y được ly hôn ông Võ Ngọc S.

-Về con chung: giao 02 con chung là Võ Trần Văn N, sinh ngày 17/7/2007 và Võ Trần Phương U, sinh ngày 19/4/2013 cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời ông S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông S được quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét giải quyết.

-Về án phí: bà Trần Thị Ngọc Y phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002410 ngày 09/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán.

Nguyên đơn, bị đơn được kháng cáo án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- VKS ND H. Định Quán;
- THA DS H. Định Quán;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Đại